TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NA HANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2020
"*V/v Kiện xin ly hôn.*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Ngọc Thức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhâm

2. Ông Hoàng Văn Lang

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 68/2019/TLST-HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn Bản N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang *(Vắng măt không có lý do và đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Ma Thị Đ trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, được gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương nhưng đến ngày 13/01/2002 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, hiện nay anh Th có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính cách không hợp

nhau, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa.

Nay chị Đ xác định mâu thuẫn giữa chị và anh Th đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Ma Thị Đ xác định, chị và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 18/02/2006, chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quang H, không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị Ma Thị Đ xác định chị và anh Th không có tài sản chung và nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Nguyễn Văn Th đến để giải quyết việc chị Đ đề nghị ly hôn nhưng anh Th đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Th vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn Bản N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Theo cung cấp của bà Mạc Thị H (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Th) thì anh Th và chị Đ kết hôn với nhau là đúng thực tế. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh Th, chị Đ ở chung cùng gia đình nhà bà tại Thôn Bản N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang được một thời gian thì tách hộ ra ở riêng ngay gần nhà bà. Quá trình hai vợ chồng chung sống bà cũng biết giữa hai vợ chồng có xảy ra mẫu thuẫn, còn nguyên nhân cụ thể như thế nào bà không biết, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ khoảng tháng 3/2018 cho đến nay, anh Th đi làm ăn xa, anh Th vẫn hay về nhà và có liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc nên bà không biết địa chỉ nơi làm việc của anh Th hiện nay ở đâu. Gia đình bà có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo trực tiếp cho anh Th biết việc chị Đ xin ly hôn và Tòa án thông báo về giải quyết vụ án nhưng anh Th không về giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc " *Kiện xin ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên toà sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Ma Thị Đ, xử cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 18/02/2006 cho chị Ma Thị Đ

trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Ma Thị Đ xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Ma Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp; chị Đoản có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Thẩm và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Văn Th có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn Bản N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Nguyễn Văn Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn Bản N, xã N, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Anh Th đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ địa chỉ cụ thể của anh Thẩm đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh Thẩm và chính quyền địa phương đã thông báo cho anh Th biết để anh Th về giải quyết vụ án, nhưng anh Th không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Văn Th vẫn vắng mặt lần thứ 2, chị Ma Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Na Hang quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Chị Ma Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2002 tại UBND xã Năng Khả, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là đúng thực tế. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau, thực tế vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình xác minh, qua cung cấp của đại diện Thôn Bản N, xã N, huyện Na

Hang và gia đình anh Nguyễn Văn Th xác định giữa chị Ma Thị Đ và anh Nguyễn Văn Th có xảy ra mâu thuẫn, thực tế hai vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2018 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Trong suốt thời gian dài sống ly thân cả hai bên đều không có cách thức, biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Đoản vẫn giữ nguyên quan điểm của mình đề nghị Tòa án giải quyết chị được ly hôn với anh Thẩm theo quy định.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đoản và anh Thẩm đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

[3] Về con chung: Chị Ma Thị Đ xác định, chị và anh Nguyễn Văn Th có 01 con chung là cháu Nguyễn Quang Huy, sinh ngày 18/02/2006, chị Đ đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Quang Huy, không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

HĐXX xét thấy, hiện nay anh Nguyễn Văn Th không có nơi cư trú rõ ràng, không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; cháu Nguyễn Quang H hiện nay đang ở cùng chị Đoản, trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân cháu H ở cùng chị Đ vẫn được tạo điều kiện về việc học tập, sinh hoạt và phát triển bình thường về mọi mặt; mặt khác nguyện vọng của cháu H muốn được ở với chị Đ. Do đó HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là cháu Nguyễn Quang H cho chị Ma Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp, do chị Đ không đề nghị anh Th cấp dưỡng nuôi chung, nên anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ, anh Th có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết chị Ma Thị Đ xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Ma Thị Đ phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên !

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Ma Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Quang H, sinh ngày 18/02/2006 cho chị Ma Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006059, ngày 30/12/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, chị Đ đã nộp đủ tiền án phí. Anh Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Triệu Ngọc Thức